



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
Thành viên của PrimeGlobal

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Công ty có 1 Công ty con, 1 Công ty liên kết và 3 đơn vị trực thuộc:

- **Công ty con:** Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- **Công ty liên kết:** Công ty Cổ phần Sách - TBGD Tây Ninh (Đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần sở hữu cho nhà đầu tư khác từ ngày 30/09/2016)
- **Các đơn vị trực thuộc:**
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
 - ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

Vốn điều lệ: 56.655.300.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2016: 56.655.300.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307
- Website: www.stb.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối kỳ kế toán là 290 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 20 người. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Trần Văn Hưng | Chủ tịch | Bỏ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| • Từ Văn Sơn | Chủ tịch | Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 24/10/2016 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Trần Lê Quang | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Lê Thị Phương Hào | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------|------------|------------------------------|
| • Bà Lê Phương Mai | Trưởng ban | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Ông Vũ Văn Hà | Thành viên | Bỏ nhiệm ngày 07/06/2015 |
| • Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên | Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|---------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm ngày 11/11/2016 |
| | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 11/11/2016 |
| • Ông Trần Văn Hưng | Tổng Giám đốc | Bỏ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| | | Miễn nhiệm ngày 11/11/2016 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|--------------------------|-------------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |
| • Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 07/06/2015 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 139/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 01/03/2017, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H

KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN

AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Lê Vinh Hà – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1216-2013-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.623.734.952	84.412.989.238
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.561.415.700	18.377.954.261
1. Tiền	111		4.418.661.863	6.229.015.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.142.753.837	12.148.939.249
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.053.810.108	33.314.056.747
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	32.016.610.345	32.081.380.629
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		130.351.416	1.212.023.978
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	14.200.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	109.507.089	124.101.099
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(202.658.742)	(117.648.959)
IV. Hàng tồn kho	140	9	37.351.689.278	32.494.680.773
1. Hàng tồn kho	141		38.071.373.938	32.657.417.595
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(719.684.660)	(162.736.822)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		656.819.866	226.297.457
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	365.025.297	226.297.457
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	291.794.569	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55.706.408.512	52.409.255.170
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		36.256.950	89.200.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		36.256.950	89.200.000
2. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		33.654.459.654	31.791.368.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	33.631.265.207	31.791.368.316
- Nguyên giá	222		51.503.957.806	46.341.398.503
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.872.692.599)	(14.550.030.187)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	23.194.447	-
- Nguyên giá	228		30.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.805.553)	-
III. Bất động sản đầu tư	230	12	7.843.563.443	-
- Nguyên giá	231		7.974.362.168	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(130.798.725)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.763.636.365	6.366.652.049
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	2.763.636.365	6.366.652.049
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	3.250.000.000	5.445.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.760.000.000	2.760.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	2.195.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		490.000.000	490.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.158.492.100	8.717.034.805
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	8.158.492.100	8.717.034.805
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.330.143.464	136.822.244.408

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		35.326.800.214	35.817.929.514
I. Nợ ngắn hạn	310		35.326.800.214	35.113.029.514
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	16.365.952.174	11.162.742.674
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		181.072.224	467.184.827
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	287.283.535	256.594.110
4. Phải trả người lao động	314		2.338.472.901	1.877.688.069
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.816.525.444	856.768.953
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	271.517.557	623.684.029
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	9.547.000.000	14.068.400.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.518.976.379	5.799.966.852
II. Nợ dài hạn	330		-	704.900.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	-	704.900.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		103.003.343.250	101.004.314.894
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	103.003.343.250	101.004.314.894
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	21	56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.655.300.000	56.655.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	21	13.761.696.224	13.761.696.224
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414	21	5.732.773.462	5.082.480.590
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	21	18.543.624.132	17.893.331.260
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	21	8.309.949.432	7.611.506.820
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		246.317.820	45.142.224
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.063.631.612	7.566.364.596
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.330.143.464	136.822.244.408



Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	320.585.389.022	278.435.390.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	4.170.828.623	2.433.764.944
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		316.414.560.399	276.001.625.580
4. Giá vốn hàng bán	11	25	249.249.032.172	217.222.765.446
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		67.165.528.227	58.778.860.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	683.849.732	1.993.469.019
7. Chi phí tài chính	22	27	3.391.913.102	3.442.506.506
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.719.230.820	2.001.602.323
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	28.272.585.878	25.865.409.555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	21.718.826.552	17.260.338.207
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.466.052.427	14.204.074.885
11. Thu nhập khác	31	29	169.363.032	1.616.516.192
12. Chi phí khác	32	30	134.402.404	33.923.264
13. Lợi nhuận khác	40		34.960.628	1.582.592.928
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.501.013.055	15.786.667.813
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.495.155.616	2.003.743.585
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		13.005.857.439	13.782.924.228



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.501.013.055	15.786.667.813
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.533.722.935	2.953.700.915
- Các khoản dự phòng	03		641.957.621	(65.351.461)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(199.022)	56.484
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(452.655.349)	(2.193.019.421)
- Chi phí lãi vay	06	27	1.719.230.820	2.001.602.323
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		19.943.070.060	18.483.656.653
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.181.366.311	(2.943.463.527)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	9	(5.413.956.343)	852.334.132
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.307.212.159	(5.636.892.560)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	15	419.814.865	76.394.675
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.720.062.163)	(2.000.770.980)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	17	(1.838.855.782)	(2.137.671.512)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		78.200.000	48.103.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.000.830.556)	(6.029.080.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.955.958.551	712.609.687
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(9.744.847.838)	(12.091.378.065)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		20.000.000	902.478.183
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000)	(13.420.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		118.143.050	13.918.600.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		2.195.080.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		482.887.654	1.243.251.687
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.979.737.134)	(9.447.048.195)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	20	55.595.652.138	51.137.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(60.821.952.138)	(50.730.700.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.566.659.000)	(3.492.530.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.792.959.000)	(3.086.230.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.816.737.583)	(11.820.669.108)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	18.377.954.261	30.198.679.853
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		199.022	(56.484)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	12.561.415.700	18.377.954.261



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 22/11/2016 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xì mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có 1 Công ty con, 1 Công ty liên kết và 3 đơn vị trực thuộc:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông
- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Sách - TBGD Tây Ninh (Đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư cho nhà đầu tư khác tại ngày 30/09/2016)
- Các đơn vị trực thuộc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công nghiệp Sóng Thần 3 - Bình Dương);
- ✓ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (Tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao; Quận 1; TP. Hồ Chí Minh).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Đầu tư vào công ty con; công ty liên kết, và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mỗi quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 44
Máy móc, thiết bị	5 – 7
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 5

4.7 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	29,5

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.15 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.16 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.17 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.18 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.19 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.20 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.21 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; Các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
 - ✦ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động đối với phần thu nhập của doanh nghiệp có được trong lĩnh vực xã hội hóa (Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học). Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - ✦ Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% đối với các hoạt động khác.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	145.055.360	448.658.889
Tiền gửi ngân hàng	4.273.606.503	5.780.356.123
Các khoản tương đương tiền	8.142.753.837	12.148.939.249
Cộng	12.561.415.700	18.377.954.261

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	1.459.664.333	706.779.970
Công ty CP Sách và TB Bình Định	111.033.894	69.534.940
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	226.855.349	563.806.490
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	395.771.099	741.320.223
Công ty CP Học Liệu	270.297.213	54.243.150
Các đối tượng khác	29.552.988.457	29.945.695.856
Cộng	32.016.610.345	32.081.380.629

Trong đó: phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	1.347.846.838
Công ty CP Bán đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư	1.459.664.333	706.779.970
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư	111.033.894	69.534.940
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	226.855.349	563.806.490
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư	395.771.099	741.320.223
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư	270.297.213	54.243.150
Cộng		2.463.621.888	3.483.531.611

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	21.320.098	-	71.632.403	-
Tạm ứng	-	-	26.887.996	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.000.000	-	25.000.000	-
Phải thu về thuế TNCN	2.791.650	-	580.700	-
Phải thu khác	80.395.341	-	-	-
Cộng	109.507.089	-	124.101.099	-

8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn:		
- Trên 3 năm	(113.919.700)	(2.000.000)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	(115.648.959)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(18.934.273)	-
- Từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm	(69.804.769)	-
Cộng	(202.658.742)	(117.648.959)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.145.285.040	-	6.226.155.325	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.647.759.383	-	3.287.811.742	-
Thành phẩm	9.872.349.705	(665.226)	7.187.410.521	-
Hàng hóa	18.405.979.810	(719.019.434)	15.956.040.007	(162.736.822)
Cộng	38.071.373.938	(719.684.660)	32.657.417.595	(162.736.822)

Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2016 là 2.178.635.824 đồng;

Tại thời điểm 31/12/2016 không có hàng tồn kho cầm cố, thế chấp các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	32.437.259.693	9.089.586.986	4.054.899.727	759.652.097	46.341.398.503
Mua sắm trong kỳ	-	615.454.546	1.397.018.182	179.316.364	2.191.789.092
Đ/tr XDCB h/thành	3.044.226.456	-	-	-	3.044.226.456
T/lý, nhượng bán	-	73.456.245	-	-	73.456.245
Số cuối kỳ	35.481.486.149	9.631.585.287	5.451.917.909	938.968.461	51.503.957.806
Khấu hao					
Số đầu kỳ	8.715.810.468	4.519.061.309	823.310.465	491.847.945	14.550.030.187
Khấu hao trong kỳ	1.262.915.703	1.254.705.685	744.978.661	133.518.608	3.396.118.657
T/lý, nhượng bán	-	73.456.245	-	-	73.456.245
Số cuối kỳ	9.978.726.171	5.700.310.749	1.568.289.126	625.366.553	17.872.692.599
Giá trị còn lại					
Số đầu kỳ	23.721.449.225	4.570.525.677	3.231.589.262	267.804.152	31.791.368.316
Số cuối kỳ	25.502.759.978	3.931.274.538	3.883.628.783	313.601.908	33.631.265.207

Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2016;

Nguyên giá TSCĐ HH đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.858.864.487đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	-	-
Mua trong kỳ	30.000.000	30.000.000
Số cuối kỳ	30.000.000	30.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	6.805.553	6.805.553
Số cuối kỳ	6.805.553	6.805.553
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số cuối kỳ	23.194.447	23.194.447

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	-	-
Đ/tư XD/CB h/thành	7.974.362.168	7.974.362.168
Số cuối kỳ	7.974.362.168	7.974.362.168
Khấu hao lũy kế		
Số đầu kỳ	-	-
Khấu hao trong kỳ	130.798.725	130.798.725
Số cuối kỳ	130.798.725	130.798.725
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	-	-
Số đánh giá lại cuối kỳ	7.843.563.443	7.843.563.443

Bất động sản đầu tư là 1 phần của tòa nhà tại 780 Nguyễn Kiệm, sử dụng để cho Công ty CP Giáo dục An Đông (công ty con) thuê làm cơ sở dạy học.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2016	01/01/2016
Công trình nhà máy Bình Dương	-	616.663.639
Công trình 223 Nguyễn Tri Phương	454.545.455	-
Công trình 780 Nguyễn Kiệm	-	4.386.352.046
Chi phí thiết kế 104/5 Mai Thị Lựu	1.818.181.819	1.363.636.364
Xây dựng cơ sở giáo dục dạy nghề 122 Phan Văn Trị	490.909.091	-
Cộng	2.763.636.365	6.366.652.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2016				01/01/2016			
Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Số lượng cổ phiếu	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con				2.760.000.000	-	2.760.000.000		-
- Công ty CP Giáo dục An Đông	52,77%	52,77%	276.000	2.760.000.000	-	2.760.000.000	276.000	-
Đầu tư vào Cty liên kết				-	-	2.195.000.000		-
- Công ty CP Sách và TBGD Tây Ninh			-	-	-	2.195.000.000	21.920	-
Đầu tư vào đơn vị khác				490.000.000	-	490.000.000		-
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	4,77%	4,77%	49.000	490.000.000	-	490.000.000	49.000	-
Cộng				3.250.000.000	-	5.445.000.000		-

- Công ty đã nhận được báo cáo tài chính năm 2016 của các công ty nhận đầu tư với vốn chủ sở hữu được báo toàn. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

- Do cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán; Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	70.219.093	162.536.603
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	294.806.204	63.760.854
Cộng	365.025.297	226.297.457

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	236.572.415	358.332.505
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	83.883.609	372.371.345
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	-	15.369.808
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	27.666.674	179.224.301
Sửa chữa 104/5 Mai Thị Lựu	37.408.664	-
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*)	7.577.033.115	7.766.458.947
Sửa chữa 780 Nguyễn Kiệm	194.886.023	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.041.600	25.277.899
Cộng	8.158.492.100	8.717.034.805

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	445.923.195	327.229.745
Công ty CP DV XBGD Gia Định	2.544.858.700	2.695.028.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	274.177.439	-
Các đối tượng khác	13.100.992.840	8.140.484.229
Cộng	16.365.952.174	11.162.742.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư	445.923.195	327.229.745
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	27.717.026	148.772.634
Chi nhánh NXB GD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	-	164.107.394
Công ty CP Đầu tư PT GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	582.800	70.308.000
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư	45.785.780	28.433.740
Công ty CP DV XBGD Gia Định	Chung công ty đầu tư	2.544.858.700	2.695.028.700
Công ty CP Sách - TBGD Miền nam	Chung công ty đầu tư	274.177.439	-
Cộng		3.339.044.940	3.433.880.213

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
				Còn phải nộp	Nộp thừa
Thuế GTGT	72.527.921	621.935.152	520.461.770	174.001.303	-
Thuế nhập khẩu	-	108.685.193	108.685.193	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	69.415.197	1.495.155.616	1.838.855.782	-	274.284.969
Thuế thu nhập cá nhân	114.650.992	743.863.824	745.232.584	113.282.232	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	4.909.742.304	4.927.251.904	-	17.509.600
Các loại thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-	-
Cộng	256.594.110	7.888.382.089	8.149.487.233	287.283.535	291.794.569

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng môi giới	1.746.525.444	790.937.610
Lãi vay	-	831.343
Các khoản khác	70.000.000	65.000.000
Cộng	1.816.525.444	856.768.953

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Cổ tức phải trả	30.717.557	232.187.557
Các khoản phải trả khác	240.800.000	391.496.472
- Thủ lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	240.800.000	347.506.472
- Phải trả khác	-	43.990.000
Cộng	271.517.557	623.684.029

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	13.737.000.000	55.595.652.138	59.785.652.138	9.547.000.000
- Vay cá nhân	13.737.000.000	-	4.190.000.000	9.547.000.000
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	-	38.292.207.138	38.292.207.138	-
- NH TMCP Công thương CN 5	-	17.303.445.000	17.303.445.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	331.400.000	331.400.000	662.800.000	-
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	331.400.000	331.400.000	662.800.000	-
Cộng	14.068.400.000	55.927.052.138	60.448.452.138	9.547.000.000

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	1.036.300.000	-	1.036.300.000	-
- NH TMCP Ngoại thương CN Bình Tây	1.036.300.000	-	1.036.300.000	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.036.300.000	-	1.036.300.000	-
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	331.400.000	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	704.900.000	-	-	-

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng vay số 066C15 ngày 02/06/2015. Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận món vay đầu tiên, mục đích vay: đầu tư mua sắm 01 xe ô tô tải Isuzu. Lãi suất cho vay năm đầu tiên 7,22%, các năm tiếp theo theo lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ. Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay. Toàn bộ khoản vay đã được trả hết trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	56.655.300.000	13.761.696.224	4.321.329.908	16.408.409.578	1.440.089.412
Tăng trong kỳ	-	-	761.150.682	1.484.921.682	13.782.924.228
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	7.611.506.820
Số dư tại 31/12/2015	<u>56.655.300.000</u>	<u>13.761.696.224</u>	<u>5.082.480.590</u>	<u>17.893.331.260</u>	<u>7.611.506.820</u>
Số dư tại 01/01/2016	56.655.300.000	13.761.696.224	5.082.480.590	17.893.331.260	7.611.506.820
Tăng trong kỳ	-	-	650.292.872	650.292.872	13.005.857.439
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	12.307.414.827
Số dư tại 31/12/2016	<u>56.655.300.000</u>	<u>13.761.696.224</u>	<u>5.732.773.462</u>	<u>18.543.624.132</u>	<u>8.309.949.432</u>

b. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.665.530	5.665.530
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu phổ thông	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	7.611.506.820	1.440.089.412
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	13.005.857.439	13.782.924.228
Phân phối lợi nhuận	12.307.414.827	7.611.506.820
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	7.365.189.000	1.394.947.188
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	139.494.719
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn	-	139.494.719
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	976.463.031
- Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	139.494.719
- Chia cổ tức	7.365.189.000	-
Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	4.942.225.827	6.216.559.632
- Trích quỹ đầu tư phát triển	650.292.872	621.655.963
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn	650.292.872	621.655.963
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.991.347.211	4.351.591.743
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	650.292.872	621.655.963
- Chia cổ tức	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	<u>8.309.949.432</u>	<u>7.611.506.820</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 02/NQĐHCD_16 ngày 27/03/2016. Tạm phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết 30/NQHĐQT/2017 ngày 20/02/2017 Của Hội đồng quản trị.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 02/NQĐHCD_16 ngày 27/03/2016 đã quyết định chi trả cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Công ty đã chi trả số cổ tức này trong năm 2016.

Ngày 20/02/2017 Hội đồng quản trị có Nghị quyết số 03/NQHĐQT/2017 về việc tạm ứng cổ tức năm 2016 bằng tiền với tỷ lệ 13%. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 10/03/2017, thực hiện trả cổ tức từ ngày 30/03/2017.

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

a. Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Ngoại tệ (USD)	501,27	502,37

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số tiền	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty Viên Khang	58.916.000	Không còn khả năng thu hồi
Công ty Phúc Cường	21.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Nhà sách Tân Sơn Nhi	18.497.740	Không còn khả năng thu hồi
Công ty TNHH TM & DV Hùng Phát Đạt	16.000.000	Không còn khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	164.052.785	Không còn khả năng thu hồi

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu bán sách và sản phẩm in	159.358.202.048	117.845.087.868
Doanh thu thiết bị giáo dục	158.778.474.146	158.849.475.438
Doanh thu khác	2.448.712.828	1.740.827.218
Cộng	320.585.389.022	278.435.390.524

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	4.170.828.623	2.433.764.944
Cộng	4.170.828.623	2.433.764.944

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách và sản phẩm in	137.606.530.207	101.282.409.851
Giá vốn thiết bị giáo dục	109.193.295.913	114.525.362.986
Giá vốn khác	1.892.258.214	1.309.876.998
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	556.947.838	105.115.611
Cộng	249.249.032.172	217.222.765.446

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	235.775.349	955.741.238
Cổ tức, lợi nhuận được chia	196.800.000	334.800.000
Chiết khấu thanh toán nhận được	250.452.265	691.122.932
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	23.023	11.804.849
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	199.022	-
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư	600.073	-
Cộng	683.849.732	1.993.469.019

27. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền vay	1.719.230.820	2.001.602.323
Chiết khấu thanh toán nhanh	1.672.090.456	1.440.847.699
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư	520.073	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	71.753	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	56.484
Cộng	3.391.913.102	3.442.506.506

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương, các khoản trích theo lương	17.445.449.277	15.435.979.323
Khấu hao TSCĐ	284.951.336	174.813.336
Chi phí vận chuyển	2.340.352.795	3.038.806.853
Tiền thuê đất	1.953.431.892	2.322.807.600
Hoa hồng môi giới, phí phát hành	4.442.304.370	2.918.068.742
Các khoản khác	1.806.096.208	1.974.933.701
Cộng	28.272.585.878	25.865.409.555

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương, trích theo lương	11.914.793.639	11.336.973.806
Khấu hao TSCĐ	801.971.998	555.409.440
Thù lao HDQT	652.000.000	700.000.000
Tiền thuê đất	2.179.451.868	607.385.672
Các khoản khác	6.170.609.047	4.060.569.289
Cộng	21.718.826.552	17.260.338.207

29. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	20.000.000	902.478.183
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	59.813.595	96.384.366
Thanh lý công cụ hư hỏng	615.273	15.330.000
Các khoản khác	88.934.164	602.323.643
Cộng	169.363.032	1.616.516.192

30. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	131.838.758	26.058.950
Các khoản khác	2.563.646	7.864.314
Cộng	134.402.404	33.923.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.501.013.055	15.786.667.813
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	15.363.877.270	12.318.827.132
- Hoạt động không được ưu đãi	(862.864.215)	3.467.840.681
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	374.379.104	109.879.473
Điều chỉnh tăng	571.378.126	444.679.473
- Chi phí không được trừ	571.378.126	444.622.989
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	-	56.484
Điều chỉnh giảm	196.999.022	334.800.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	196.800.000	334.800.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi	199.022	-
Tổng thu nhập chịu thuế	14.875.392.159	15.896.547.286
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	14.875.392.159	12.445.806.812
- Hoạt động không được ưu đãi	-	3.450.740.474
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.487.539.216	2.003.743.585
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	1.487.539.216	1.244.580.681
- Hoạt động không được ưu đãi	-	759.162.904
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.495.155.616	2.003.743.585
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	1.487.539.216	2.003.743.585
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	7.616.400	-

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	44.862.106.722	48.091.431.204
Chi phí nhân công	35.078.169.713	32.696.366.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.402.924.210	2.953.700.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.490.240.444	14.829.223.606
Chi phí khác bằng tiền	5.307.925.738	5.160.953.252
Cộng	106.141.366.827	103.731.675.720

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2016	01/01/2016
	USD	USD
Tài sản tài chính (tiền gửi ngân hàng)	501,27	502,37

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	16.365.952.174	-	16.365.952.174
Chi phí phải trả	1.816.525.444	-	1.816.525.444
Vay và nợ thuê tài chính	9.547.000.000	-	9.547.000.000
Phải trả khác	271.517.557	-	271.517.557
Cộng	28.000.995.175	-	28.000.995.175
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	11.162.742.674	-	11.162.742.674
Chi phí phải trả	856.768.953	-	856.768.953
Vay và nợ thuê tài chính	14.068.400.000	704.900.000	14.773.300.000
Phải trả khác	623.684.029	-	623.684.029
Cộng	26.711.595.656	704.900.000	27.416.495.656

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.561.415.700	-	12.561.415.700
Phải thu khách hàng	31.813.951.603	-	31.813.951.603
Phải thu về cho vay	-	36.256.950	36.256.950
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	109.507.089	-	109.507.089
Cộng	44.484.874.392	526.256.950	45.011.131.342
01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.377.954.261	-	18.377.954.261
Phải thu khách hàng	31.963.731.670	-	31.963.731.670
Phải thu về cho vay	14.200.000	89.200.000	103.400.000
Đầu tư tài chính	-	490.000.000	490.000.000
Phải thu khác	97.213.103	-	97.213.103
Cộng	50.453.099.034	579.200.000	51.032.299.034

34. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSĐĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m2 đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m2 đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m2 đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m2 đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTĐ ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m2 đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

35. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

<u>Công ty liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh GD	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Công ty con
Ông Từ Trung Đan	Tổng giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

Giao dịch	Nội dung	Năm 2016	Năm 2015
Mua hàng			
Nhà XBGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Phí quản lý, tem	13.799.100	23.616.300
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng SGK, bìa bao	77.244.930.930	47.905.734.053
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Cung ứng STK, VHP	666.135.416	825.524.006
Công ty CP Học Liệu	Cung ứng băng đĩa GD	153.748.000	171.136.000
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Cung ứng STK, VHP	44.244.231.580	43.351.723.656
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Bản đồ	3.727.227.778	3.686.468.802
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Mua sách	4.895.761.600	-
Bán hàng và giao dịch khác			
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Thiết bị, ấn phẩm	9.151.508.192	5.951.421.142
Công ty CP Sách GD TP Hồ Chí Minh	Sách	1.540.903.572	67.577.840
Công ty CP Học Liệu	Thiết bị	1.773.646.374	247.536.950
Công ty CP ĐT và PT GD Phương Nam	Sách, thiết bị	6.251.764.844	165.962.085
Công ty CP Giáo Dục An Đông	Sách, dịch vụ	2.282.172.578	1.397.687.755
Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	Sách, thiết bị	2.207.175.987	2.378.146.856
Công ty CP Sách và TB Bình Định	Sách, thiết bị	198.887.940	184.400.170
Công ty CP Sách và TB Bình Thuận	Thiết bị	1.993.147.699	2.081.236.759
Công ty CP Sách TBGD Miền Trung	Thiết bị	2.625.334.150	2.801.741.021
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh GD	Sách, thiết bị	7.310.068.451	3.980.155.547
Ông Từ Trung Đan	Chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP Sách - TBGD Tây Ninh	993.040.000	-

37. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2017

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh